

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS  
DAMAC JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 1504A./2020/DAMAC/CV

V/v: CBTT BCTC riêng năm 2019  
đã kiểm toán kèm giải trình chênh lệch  
số liệu

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Ha Noi, day 15 month 04 year 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HN

DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND HANOI  
STOCK EXCHANGE'S PORTAL



Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities  
Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HN/ HaNoi Stock Exchange

- Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
- Mã chứng khoán/ Security Symbol: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Số 99 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: 024 3936 4695
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Hoàng Văn Long
- Chức vụ/ Position: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☒ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS công bố thông tin BCTC riêng năm 2019 đã kiểm toán kèm giải trình chênh lệch số liệu.

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.**

*In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.*

Lý do/ Reason: .....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 15/4/2020, tại đường dẫn: <http://damac.com.vn/>

*This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 15/4/2020 Available at: <http://damac.com.vn/>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.*



Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

*Hoàng Văn Long*





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942  
Email: [info@aascs.com.vn](mailto:info@aascs.com.vn) Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)





Member of MSI Global Alliance

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



**Đơn vị kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
**THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (08) 3820 5942



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 04
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	05 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 30

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**I. CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 26/07/2019, các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 575.096.750.000 VND  
 Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

**2. Ngành nghề kinh doanh :**

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

**3. Cấu trúc doanh nghiệp**

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Damac Green	Nhà ông Phạm Văn Viễn, đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 12, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	80,00%	93,33%	80,00%	93,33%

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 lỗ 35.867.342.556 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2018 lợi nhuận sau thuế lỗ 2.409.115.010 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2019 âm 24.321.904.453 VND (Tại thời điểm 31/12/2018 lợi nhuận chưa phân phối là 11.545.438.103 VND).

**III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****Hội đồng Quản trị**

Ông	Hoàng Văn Long	Chủ tịch
Bà	Tạ Thu Thủy	Ủy viên
Bà	Mai Thúy Hằng	Ủy viên
Ông	Nguyễn Minh Đức	Ủy viên
Ông	Hoàng Việt	Ủy viên

Bỏ nhiệm ngày 30/06/2019, miễn nhiệm ngày 20/02/2020  
 Bỏ nhiệm ngày 30/06/2019



**Ban Tổng Giám đốc**

Ông	Hoàng Văn Long	Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Khánh Toàn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01/10/2018, miễn nhiệm 08/03/2019
Ông	Nguyễn Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/08/2019

**Ban Kiểm soát**

Bà	Đinh Thị Khánh Ly	Trưởng ban	
Bà	Đỗ Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2019
Ông	Vũ Thanh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2019

**Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Minh Đức	Bổ nhiệm ngày 30/06/2019, miễn nhiệm ngày 18/02/2020
Bà	Trần Thị Vân	Bổ nhiệm ngày 18/06/2018, miễn nhiệm 18/03/2019
Bà	Đường Thị Thu Giang	Bổ nhiệm ngày 18/02/2020

**Đại diện pháp luật**

Ông	Hoàng Văn Long
-----	----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa,  
TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Duyệt, ngày 09 tháng 04 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc



**HOÀNG VĂN LONG**

Tổng Giám đốc



Số: ...409.../BCKT-TC/2019/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Damac GLS, được lập ngày 09/04/2020, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damac GLS tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Kiểm toán viên



**VÕ THỊ MỸ HƯƠNG**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0858-2018-142-1



Phó Tổng Giám đốc

**LÊ VĂN TUẤN**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0479-2018-142-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>490.778.940.747</b>	<b>531.593.946.799</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>48.506.574</b>	<b>68.183.003</b>
Tiền	111		48.506.574	68.183.003
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.4</b>	<b>-</b>	<b>382.476.371.217</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	385.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.523.628.783)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>490.657.305.138</b>	<b>148.577.002.220</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.925.098.720	109.600.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.407.126.234	8.422.852.220
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	524.771.073.294	140.044.550.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(37.445.993.110)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>1.112.702</b>	<b>394.340.000</b>
Hàng tồn kho	141		1.112.702	394.340.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>72.016.333</b>	<b>78.050.359</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.792.542	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.223.791	78.050.359
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>60.071.429.638</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>63.690.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	-	63.690.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		41.544.364	41.544.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.544.364)	(41.544.364)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND		
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.4</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>7.739.638</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	7.739.638
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>550.778.940.747</b>	<b>591.665.376.437</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.095.200</b>	<b>5.023.188.334</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.095.200</b>	<b>5.023.188.334</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	-	968
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	4.095.200	5.023.187.366
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>550.774.845.547</b>	<b>586.642.188.103</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>550.774.845.547</b>	<b>586.642.188.103</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.321.904.453)	11.545.438.103
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.545.438.103	13.954.553.113
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(35.867.342.556)	(2.409.115.010)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>550.778.940.747</b>	<b>591.665.376.437</b>

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ

Phụ trách kế toán

ĐƯỜNG THỊ THU GIANG

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



HOÀNG VĂN LONG



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.060.403.382	18.998.500.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.060.403.382	18.998.500.000
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.941.593.394	18.480.000.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		118.809.988	518.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.013	368.533.896
Chi phí tài chính	22	VI.4	(2.523.562.783)	2.523.628.783
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.424.543.843	770.169.123
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(35.782.140.059)	(2.406.764.010)
Thu nhập khác	31	VI.5	322.966	-
Chi phí khác	32	VI.6	85.525.463	2.351.000
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(85.202.497)	(2.351.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(35.867.342.556)	(2.409.115.010)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(35.867.342.556)	(2.409.115.010)

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ MỸ

ĐƯỜNG THỊ THU GIANG

HOÀNG VĂN LONG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(35.867.342.556)	(2.409.115.010)
Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	1.154.014
- Các khoản dự phòng	03		34.922.364.327	2.523.628.783
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.013)	(368.533.896)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(945.009.242)	(252.866.109)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(183.462.606.028)	(128.557.849.651)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		393.227.298	(394.340.000)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(5.019.093.134)	(9.479.497.744)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		5.947.096	11.971.441
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(66.174.612)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.826.568	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(189.019.707.442)	(138.738.756.673)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(385.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		189.000.000.000	518.561.750.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.013	368.533.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		189.000.031.013	143.930.283.896
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	600.000.000



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(5.800.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(5.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(19.676.429)	(8.472.777)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	68.183.003	76.655.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	48.506.574	68.183.003

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ

Phụ trách kế toán

ĐƯỜNG THỊ THU GIANG

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



HOÀNG VĂN LONG



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 26/07/2019, các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 575.096.750.000 VND  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty con:</b>					
Công ty Cổ phần Damac Green	Nhà ông Phạm Văn Viễn, đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 12, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	80,00%	93,33%	80,00%	93,33%

#### Công ty liên kết:

Không có

#### Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

##### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### **10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.





**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**15. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	45.746.256	56.359.492
- Tiền gửi ngân hàng	2.760.318	11.823.511
+ Tiền gửi (VND)	2.760.318	11.823.511
+ Tiền gửi (USD)	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.506.574</b>	<b>68.183.003</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.925.098.720</b>	<b>109.600.000</b>
Công ty TNHH AJIMAN Việt Nam	109.600.000	109.600.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Vật liệu LEG	1.815.498.720	-
<b>Cộng</b>	<b>1.925.098.720</b>	<b>109.600.000</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.1. Ngắn hạn</b>	<b>96.000.014</b>	<b>7.556.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải và xây dựng thương mại Hoàng Tiến	-	7.450.000.000
Công ty TNHH ACE.LK	96.000.014	106.000.000
Các đối tượng khác	1.311.126.220	866.852.220
<b>3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.311.126.220</b>	<b>866.852.220</b>
Công ty TNHH ACE.LK	1.311.126.220	866.852.220
<b>Cộng</b>	<b>1.407.126.234</b>	<b>8.422.852.220</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**4.1. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	385.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Đại Việt	-	-	-	196.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Cát	-	-	-	189.000.000.000
				382.476.371.217
				193.785.645.398
				188.690.725.819
				2.523.628.783
				2.214.354.602
				309.274.181

**4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
Đầu tư vào công ty con	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Damac Green	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000

**Ghi chú:**

Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Damac Green được trình bày tại Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Phú Nam (AASCS).





**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.1. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	1.800.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	137.853.073.294	-	140.000.550.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác (**)	385.118.000.000	-	44.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>524.771.073.294</b>	<b>-</b>	<b>140.044.550.000</b>	<b>-</b>
<b>5.2. Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	63.690.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.690.000</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(\*) Ký quỹ ngắn hạn khác bao gồm:

- Hợp đồng đặt cọc số 0206/2018/HĐ/ACE-KSH giữa Công ty TNHH ACE.LK và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH về việc đảm bảo quyền phân phối độc quyền nhãn hàng Tinh dầu, nước hoa Ajmal Dubai được quy định tại hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa số 01/HĐ/ACE-KSH ngày 01/06/2018.

27.852.523.294

- Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0306/2018/HĐĐC-KSH tại số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội theo 04 GCN QSDĐ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155626, số vào sổ cấp GCNQSD đất/hồ sơ gốc số CT-DA01865 do UBND Thành phố Hà nội cấp ngày 17/11/2017, giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155625 số vào sổ cấp GCNQSD đất/ hồ sơ gốc số CT-DA01866, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867.

110.000.000.000

- Các khoản khác

550.000

(\*\*) Khoản phải thu khác bao gồm

- Hợp đồng hợp tác đầu tư - kinh doanh số 01/2019/GLS-GREEN giữa công ty Cổ phần Damac GLS với Công ty Cổ phần Damac Green. Mục đích hợp tác: Hợp tác kinh doanh cho công ty đi đầu tư phát triển các dự án ( cụm công nghiệp Sơn Nam, đầu tư chế biến VLXD, đầu tư vốn lưu động kinh doanh nông sản, đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời, ...). Thời hạn hợp tác 1 năm bắt đầu từ ngày 31/12/2019 đến hết ngày 31/12/2020 với số tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Damac GLS là 130.000.000.000 đồng.

130.000.000.000

Phải thu Công ty CP Năng lượng và Vật liệu LEG theo HĐ số 01/HĐHTKD/DAMAC-LEG

59.000.000.000

Phải thu phí kiểm toán của Công ty Cổ phần Damac Green

118.000.000

Phải thu của ông Nguyễn Trí Thành tiền đã nhận chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng

144.000.000.000

Phải thu của bà Lê Thị Hạnh Nguyên tiền đã nhận chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng

52.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống  
Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**6 . NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	197.516.726.220	160.070.733.110	-	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Phải thu khách hàng	1.311.126.220	655.563.110	-	-
+ Phải thu khác	196.096.000.000	159.360.370.000	-	-
+ Trả trước cho người bán	109.600.000	54.800.000	-	-
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>197.516.726.220</b>	<b>160.070.733.110</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	1.112.702	-	394.340.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.112.702</b>	<b>-</b>	<b>394.340.000</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng
- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Từ Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**8 . TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Số dư đầu năm	-	-	-	41.544.364	-	-	41.544.364
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	41.544.364	-	-	41.544.364
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-	41.544.364	-	-	41.544.364
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	41.544.364	-	-	41.544.364
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý

- VND  
41.544.364 VND  
- VND





**9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
16.1 Ngắn hạn	-	-	968	968
Các đối tượng khác	-	-	968	968
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>968</b>	<b>968</b>

**10 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	4.095.200	-
- BHXH, BHYT, BHTN	-	23.187.366
- Cỗ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	-	5.000.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.095.200</b>	<b>5.023.187.366</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>575.096.750.000</b>	-	-	-	<b>13.954.553.113</b>	<b>589.051.303.113</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.409.115.010)	(2.409.115.010)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>575.096.750.000</b>	-	-	-	<b>11.545.438.103</b>	<b>586.642.188.103</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(35.867.342.556)	(35.867.342.556)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>575.096.750.000</b>	-	-	-	<b>(24.321.904.453)</b>	<b>550.774.845.547</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS**

Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	575.096.750.000	575.096.750.000
<b>Cộng</b>	<b>575.096.750.000</b>	<b>575.096.750.000</b>

**11.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.096.750.000	575.096.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**11.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	57.509.675
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**11.5. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	0%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**11.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.060.403.382	18.998.500.000
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.060.403.382</b>	<b>18.998.500.000</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.941.593.394	18.480.000.000
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.941.593.394</b>	<b>18.480.000.000</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.013	368.533.896
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.013</b>	<b>368.533.896</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	2.523.628.783
- Chi phí tài chính khác	66.000	-
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính (hoàn nhập dự phòng)	(2.523.628.783)	-
<b>Cộng</b>	<b>(2.523.562.783)</b>	<b>2.523.628.783</b>

**5. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Hỗ trợ quảng cáo sản phẩm, hỗ trợ khuyến mãi, chiết khấu	-	-
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ	-	-
- Các khoản khác	322.966	-
<b>Cộng</b>	<b>322.966</b>	<b>-</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	85.525.463	2.351.000
- Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.525.463</b>	<b>2.351.000</b>



**7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.713.546	12.728.297
- Chi phí nhân công	351.963.600	472.501.480
- Chi phí khấu hao	-	1.154.014
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng	37.445.993.110	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.204.609	273.267.569
- Chi phí khác bằng tiền	42.668.978	6.517.763
<b>Cộng</b>	<b>38.424.543.843</b>	<b>770.169.123</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

01172  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
VỤ TỰ  
NH KẾ  
TỔNG TỐ  
A NAM  
PHỐ

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1 . Thông tin về các bên liên quan

##### 1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

**Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm nay	Năm trước
+ Tiền lương, thưởng	76.500.000	53.534.651
+ Thù lao	-	-

Các giao dịch khác : không phát sinh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu	-	-
Phải trả	-	-

##### 1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Damac Green	Công ty con	80,00%
Công ty TNHH ACE.LK	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản	

Trong năm Công ty không có các giao dịch với các bên liên quan.

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
Công ty TNHH ACE.LK	Mua hàng hóa	1.548.366.096
	Bù trừ công nợ	2.147.476.706
Công ty Cổ phần Damac Green	Chuyển tiền Hợp tác kinh doanh	130.000.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH ACE.LK	Trả trước người bán	1.311.126.220
	Ký quỹ	27.852.523.294
Công ty Cổ phần Damac Green	Phải thu khác	130.118.000.000

#### 2 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

#### 3 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) .

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ

Phụ trách kế toán

ĐƯỜNG THỊ THU GIANG

Lập, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



HOÀNG VĂN LONG



## **CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:**

### **1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:**

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

### **2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:**

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

### **3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:**

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

### **4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:**

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

## **WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:**

### **1. AUDITING SERVICES:**

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

### **2. ACCOUNTING SERVICES:**

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

### **3. CONSULTANCY SERVICES:**

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

### **4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:**

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.



Số: *15/ta*/2020/DAMAC/CV  
 V/v: Giải trình về chênh lệch số liệu BCTC  
 năm 2019 trước, sau kiểm toán và chênh lệch  
 BCTC năm 2019 – năm 2018

Hà Nội, ngày *15* tháng *04* năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Damac GLS  
 Mã chứng khoán: KSH  
 Trụ sở chính: Số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội  
 Điện thoại: 04. 39364695

Trước tiên, Công ty Cổ Phần Damac GLS xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Qua BCTC của Công ty CP Damac GLS được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) chúng tôi xin làm rõ vấn đề chênh lệch giữa số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm 31.12.2019 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán, cùng với đó Công ty giải trình chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

**I: Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính tại thời điểm 31.12.2019 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán**

Công ty Cổ phần Damac GLS xin giải trình như sau:

S T T	CHỈ TIÊU	SỐ TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ SAU KIỂM TOÁN	CHÈNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
	<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
1	Chứng khoán kinh doanh	196.000.000.000	-	(196.000.000.000)	Chuyển khoản đầu tư từ chứng khoán kinh doanh sang phải thu khác do hợp đồng chuyển nhượng (mua) phần vốn Đại Việt không đạt được như thỏa thuận hai bên. Đã thu được 73 tỷ đầu năm 2020
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.214.354.602	-	(2.214.354.602)	Hoàn nhập dự phòng Đại Việt
3	Phải thu ngắn hạn khác	471.771.073.294	537.653.073.294	65.882.000.000	Kiểm toán điều chỉnh khoản đầu tư từ chứng khoán kinh doanh sang khoản phải thu



					khác.
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.525.320.000)	(39.988.193.110)	(38.462.873.110)	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản chuyển nhượng vốn
5	Phải trả ngắn hạn khác	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	Kiểm toán điều chỉnh lại triệt tiêu các khoản nội bộ
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.184.921.670	(19.622.847.940)	(35.807.769.610)	Do ảnh hưởng bởi chi tiêu trích lập các khoản dự phòng
	<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
1	Chi phí tài chính	(309.208.181)	(2.523.562.783)	(2.214.354.602)	Do hoàn nhập dự phòng Đại Việt
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.364.763.533	40.831.742.843	38.466.979.310	Do trích lập khoản phải thu khó đòi từ chuyển nhượng vốn
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.681.614.724)	(37.934.239.110)	(36.252.624.386)	Do ảnh hưởng của các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập dự phòng.
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.797.199.727)	(38.024.557.620)	(36.227.357.893)	

## II: Giải trình chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2018

Công ty Cổ phần Damac GLS xin giải trình như sau:

### 1. BCTC riêng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(35.867.342.556)	(2.409.115.010)	(33.458.227.546)

Theo báo cáo KQKD năm 2019 lợi nhuận sau thuế TNDN là (35.867.342.556) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là (2.409.115.010) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm 33.458.227.546 đồng so với năm 2018. Nguyên nhân là do năm 2019 tiến hành trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi từ chuyển nhượng vốn: 36.687.630.000 đồng và hoàn nhập dự phòng Đại Việt : 2.214.354.602 đồng.

### 2. BCTC hợp nhất

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(38.024.557.620)	3.830.301.963	(41.854.859.583)

Theo báo cáo KQKD hợp nhất năm 2019 lợi nhuận sau thuế TNDN là (38.024.557.620) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 3.830.301.963 đồng chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm 41.854.859.583 đồng so với năm 2018. Nguyên nhân là do tại công ty mẹ năm 2019 trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi từ chuyển nhượng vốn: 36.687.630.000 đồng và hoàn nhập dự phòng Đại Việt : 2.214.354.602 đồng.

Trên đây là những giải trình của Công ty CP Damac GLS liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019

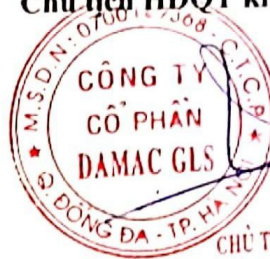
Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của quý cơ quan.

Trân trọng./

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**



CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

*Hoàng Văn Long*





CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 1504c/2020/Damac GLS-CV  
(V/v: Xin giải trình về việc chậm CBTT  
BCTC năm 2019 đã kiểm toán)

Hà Nội, Ngày 15 tháng 04 năm 2020

Kính gửi : - UBCK nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

Tên công ty: Công ty CP Damac GLS

Mã chứng khoán: KSH

Địa chỉ: 99 An Trạch, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP.HN

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015

Căn cứ Công văn số : 2802/UBCK-GSDC ngày 27/03/2020 của UBCKNN

Căn cứ Chi thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/03/2020

Chúng tôi xin trình bày với UBCKNN, Quý Sở giao dịch chứng khoán HN và quý cổ đông một việc như sau:

Theo khoản c điều 8 thông tư 155/2015/TT-BTC về thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

"...Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp công ty đại chúng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty đại chúng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan..."

Do dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp vào đúng thời điểm hoàn thiện báo cáo nên công ty chúng tôi gặp rất nhiều vướng mắc và khó khăn trong quá trình tập hợp số liệu, hồ sơ để làm việc với công ty kiểm toán. Vì vậy công ty chúng tôi đã chủ động làm công văn xin gia hạn



